

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK (DRI)
CÔNG TY TNHH CAO SU ĐẮK LẮK (DAKLAORUCO)**

**TÓM TẮT BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (EIA & SIA)**

Pakse, tháng 12/2023

DANH MỤC VIẾT TẮT

CCR	Chứng chỉ rừng
CT	Công ty
QLRBV	Quản lý rừng bền vững
FSC	Hội đồng Quản trị rừng thế giới (Forest Stewardship Council)
SFMI	Viện Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TT	Thông tư
UBND	Ủy ban nhân dân
PCCR	Phòng chống cháy rừng

Chương 1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Giới thiệu về chủ rừng¹

Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk (DAKLAORUCO) trực thuộc Công ty cổ phần đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI) được thành lập ngày 06/12/2004, với nhiệm vụ chính là thực hiện Dự án trồng 10.000 ha cao su cùng một số cây công nghiệp khác tại các tỉnh Nam Lào. Thời gian thực hiện Dự án 50 năm, tổng vốn đầu tư 83 triệu USD.

04 nông trường trực thuộc, gồm:

- Nông trường 1. Trụ sở đóng tại Bản May, huyện Bachiang, tỉnh Champasak
- Nông trường 2. Trụ sở đóng tại Bản Vangkhanan, huyện Laongam, tỉnh Salavan
- Nông trường 3. Trụ sở đóng tại Bản Nongpaheng, huyện Pathoomphone, tỉnh Champasak
- Nông trường 4. Trụ sở đóng tại Bản Noong Ke, huyện Laongam, tỉnh Sanavan

II. Điều kiện tự nhiên, dân sinh, kinh tế và xã hội²

• Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên

Thuận lợi

Khu vực quản lý của Công ty nằm trên 2 tỉnh có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc sinh trưởng và phát triển của nhiều loại cây trồng:

- Địa hình khá bằng phẳng, thuận lợi cho công tác quy hoạch quản lý cũng như phát triển đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng với chi phí thấp.
- Khí hậu thời tiết tuy có một số tháng khắc nghiệt nhưng hầu hết là ôn hòa thuận lợi, lượng mưa, độ ẩm và nhiệt độ phù hợp với yêu cầu sinh thái của cây Cao su, điều...
- Diện tích nhóm đất đỏ bazan chiếm tỉ lệ lớn trên tổng diện tích vùng dự án, đây là nhóm đất quý và có giá trị với độ dày tầng đất hữu hiệu trên 100cm, thành phần cơ giới đất rất thích hợp cho sự sinh trưởng phát triển của nhiều loại cây trồng, đặc biệt là cây Cao su.

Khó khăn

- Vị trí địa lý của dự án trải dài trên địa bàn 2 tỉnh, gây khó khăn trong công tác quản lý, chỉ đạo chung của toàn Công ty.
- Mùa mưa thường xuyên ảnh hưởng mưa bão từ biển Đông, lượng mưa nhiều và tập trung, ảnh hưởng lớn đến công tác khai thác mủ (đặc biệt các tháng 7,8,9)

¹ Chi tiết xem tại Phương án QLRBV giai đoạn 2024-2054

² Chi tiết xem tại Phương án QLRBV giai đoạn 2024-2054

III. Đặc điểm kinh tế, xã hội

1. Thuận lợi

- Nhìn chung giữ được hoà bình chính trị, trật tự xã hội. Về cơ sở hạ tầng, sản xuất nông nghiệp có khả năng đáp ứng với tình hình hiện nay;
- Tỉnh đã được ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở hạ tầng, thủy lợi nhằm khuyến khích sản xuất nông nghiệp trong mùa khô.

2. Khó khăn

- Việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đang trong giai đoạn môi trường không thuận lợi, có nhiều yếu tố bên ngoài tác động như suy thoái kinh tế toàn cầu...
- Kinh tế vĩ mô nhanh chóng bị ảnh hưởng do cơ sở sản xuất trong nước chưa vững mạnh và chưa gắn liền nhiều đến công nghiệp chế biến như mong muốn, hàng hoá xuất khẩu chủ yếu là nguyên vật liệu chưa chế biến.
- Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm chưa được tốt và chất lượng không cao.
- Việc phổ biến pháp luật còn mang tính hình thức, nên hiệu quả thực tế chưa cao.
- Việc quản lý, thu các khoản phí, lệ phí chưa được chưa tập trung thông qua hệ thống ngân sách.
- Công tác quản lý nhập khẩu hàng hoá chưa được chú trọng, nhập khẩu không đúng quy định pháp luật như: trốn thuế, hàng không đạt tiêu chuẩn.
- Giải quyết vấn đề tệ nạn xã hội như vấn đề ma tuý, giết người, trộm cắp, di cư lao động trái phép....tuy đã có nhiều nỗ lực nhưng vẫn không có xu hướng giảm.

IV. Đánh giá hiện trạng sử dụng tài nguyên rừng và đất rừng

1. Hiện trạng diện tích, loài cây trồng

Tổng diện tích quản lý hiện nay: 10.186,67 ha. Trong đó:

- | | |
|---|-------------|
| - Rừng trồng Cao su: | 8.605,76 ha |
| - Rừng trồng Điều (kinh doanh): | 561,40 ha |
| - Rừng trồng loài khác (bạch đàn, tre): | 16,53 ha. |
| - Đất lâm nghiệp khác: | 967,46 ha. |
| - Đất phi lâm nghiệp: | 35,52 ha. |

2. Đánh giá tổng quát về hiện trạng sử dụng đất

Nhìn chung rừng và đất rừng hiện nay đang được Công ty tổ chức quản lý bảo vệ chặt chẽ, Công ty thường xuyên phối hợp với UBND 2 huyện và Hạt Kiểm lâm trên địa bàn, Ban quản lý các bản và các đơn vị liên quan tổ chức tuần tra bảo vệ rừng, nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm; phối hợp với các xã ,

phường, thôn xóm cộng đồng người có uy tín để tuyên truyền, vận động các hộ gia đình có ý thức trong công tác bảo vệ đất rừng. Công tác phòng cháy chữa cháy rừng luôn được Công ty quan tâm, hằng năm Công ty phối hợp với cơ quan Kiểm lâm xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; tổ chức tuyên truyền cho các hộ gia đình sống gần rừng có ý thức phòng cháy, chữa cháy rừng; chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy rừng...nên phát hiện, ngăn chặn kịp thời, không gây thiệt hại nghiêm trọng về rừng và đất.

Chương 2. CĂN CỨ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

I. Các căn cứ cho đánh giá tác động môi trường và xã hội³

1. Các công ước và chương trình Quốc tế mà Lào tham gia
2. Các quy định pháp lý của Lào
3. Các quy định của FSC liên quan đến tác động môi trường và xã hội
 - 3.1. Tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững

Tiêu chuẩn tạm thời FSC-STD-LAO -01-2020 EN của tổ chức GFA xây dựng tháng 7 năm 2020 áp dụng cho đánh giá rừng của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

3.2. Các chính sách, hướng dẫn của FSC liên quan

Cùng với bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững, FSC đã phát triển một hệ thống các chính sách và hướng dẫn liên quan đến vấn đề môi trường và xã hội (Bảng 1).

Bảng 1. Các chính sách, hướng dẫn của FSC liên quan

TT	Mã văn bản	Nội dung
1	FSC-POL-30-001	Chính sách thuốc trừ sâu của FSC
2	FSC-POL-30-001a	Danh mục thuốc trừ sâu nguy hại của FSC
3	FSC-POL-30-001b	Thiết bị bảo hộ
4	FSC-POL-30-401	Chứng nhận FSC và các Công ước của ILO
5	FSC-POL-30-602	Giải thích của FSC về GMO (Sinh vật biến đổi gen)
6	FSC-GUI-30-009	Hướng dẫn về giá trị bảo tồn cao dành cho người quản lý rừng
7	FSC-GUI-60-005	Thúc đẩy bình đẳng giới trong tiêu chuẩn quản lý rừng quốc gia

II. Phương pháp đánh giá

1. Phương pháp thu thập thông tin

Nhóm chuyên gia đánh giá đã tiến hành thu thập các thông tin sơ cấp và thứ cấp phục vụ cho quá trình đánh giá tác động MT – XH bao gồm:

1.1. Phương pháp thu thập các thông tin thứ cấp

Tiếp cận và thu thập các thông tin thứ cấp bao gồm các số liệu, tài liệu tại văn phòng Công ty như: Các báo cáo cam kết bảo vệ môi trường công ty đã lập, các hợp đồng

³ Chi tiết xem tại Phương án QLRBV giai đoạn 2024-2054

kinh tế, báo cáo năm, các hồ sơ thiết kế trồng rừng, khai thác, hợp đồng lao động, các hồ sơ liên quan đến hoạt động xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng của Công ty.

1.2 Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp

a. Phương pháp tham vấn

- Làm việc và phỏng vấn sâu đối với các đối tượng là cán bộ, công nhân thuộc văn phòng công ty và các nông trường;
- Làm việc và tham vấn các bên liên quan bao gồm cán bộ thuộc các cơ quan quản lý địa phương, các cộng đồng, để thu thập các thông tin, các nhận định, nhận xét về các tác động về MT – XH có thể gây ra bởi các hoạt động quản lý rừng tại Công ty.

b. Phương pháp thu thập thông tin qua quan sát tại hiện trường

Quan sát tại hiện trường các hoạt động sản xuất tại các đội, vườn ươm, khu vực rừng trồng, hiện trường sau khai thác, các địa điểm trồng rừng ven khe suối, khu vực xây dựng đường lâm sinh ...

2. Phương pháp đánh giá

Trên cơ sở các nguyên tắc (tiêu chuẩn), tiêu chí của FSC liên quan đến vấn đề môi trường và xã hội, nhóm chuyên gia xác định các tác động của toàn bộ các hoạt động quản lý rừng tác động đến môi trường tiến hành lựa chọn các hoạt động cần đánh giá như khai thác, trồng rừng, làm đường, XDCB, vận chuyển, sử dụng hoá chất, phế liệu, xả rác, cháy rừng....

Các phương pháp đã được sử dụng trong đánh giá gồm:

- Phương pháp thống kê: Tiến hành thống kê, tổng hợp, phân tích và đánh giá các thông tin thu thập được;
- Phương pháp đánh giá nhanh: Tiến hành đánh giá nhanh và nêu ra được các phát hiện trong quá trình khảo sát thực địa;
- Phương pháp chuyên gia: Trên cơ sở các kinh nghiệm đưa ra những nhận định cũng như các dự báo cũng về các tác động MT – XH;

Bên cạnh đó, nhóm chuyên gia cũng tham khảo các tài liệu đánh giá tác động môi trường – xã hội đã được thực hiện trước đây trong vùng và kết quả đánh giá được tham vấn chính quyền, cộng đồng dân cư địa phương.

Chương 3. TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI

I. Đánh giá tác động môi trường

Các hoạt động cần được đánh giá tác động môi trường được nêu chi tiết tại Bảng 2.

Bảng 2. Các nội dung cần đánh giá tác động môi trường tại Công ty Daklaoruco

Các nguồn gây tác động đến môi trường	Các yếu tố có thể bị tác động
<p>a. Hoạt động trồng và chăm sóc rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác đào tạo và tập huấn - Xử lý thực bì: Phát dọn, xử lý thực bì; làm đất; - Sử dụng hóa chất, thuốc diệt cỏ; - Trồng rừng: Loài cây trồng; mức độ phù hợp với lập địa, mùa vụ trồng rừng, hóa chất và thuốc BVTV đã và đang sử dụng...? - Độ che phủ; chất lượng rừng trồng - Chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng trồng; phòng chống chữa cháy rừng và sâu bệnh hại; - Thực hiện các quy định về an toàn, bảo hộ lao động 	<ul style="list-style-type: none"> - Độ che phủ: Tán rừng và diện tích rừng trồng; - Tỷ lệ sống, năng suất, chất lượng cây phù trợ; - Suy thoái đất, sạt lở đất; - Nước đầu nguồn, nước ngầm, nước sinh hoạt, hành lang bảo vệ suối, hồ; - Môi trường không khí; - Bảo vệ các giá trị về đa dạng sinh học bao gồm HCVF; hành lang đa dạng ven suối và di chuyển của động vật.
<p>b. Hoạt động khai thác tài nguyên rừng: bao gồm khai thác mủ cao su và khai thác gỗ (nếu có)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình lập hồ sơ khai thác và thiết kế khai thác; - Hợp đồng khai thác, giám sát khai thác; - Hiện trạng thực hiện quy trình khai thác tác động thấp (RIL); - Hệ thống đường vận xuất/vận chuyển; - Sinh hoạt của công nhân khai thác; - Vệ sinh rừng sau khai thác; - Nguy cơ cháy nổ; - Thực hiện các quy định về bảo hộ an toàn lao động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Độ che phủ; - Chất lượng tài nguyên rừng; - Môi trường đất; - Môi trường nước; - Môi trường không khí; - Bảo vệ các giá trị về đa dạng sinh học bao gồm HCVF; hành lang đa dạng ven suối và khu kết nối đa dạng sinh học.

<p>c. Quản lý và sử dụng hóa chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các loại hóa chất sử dụng - Khu vực lưu trữ - Quy trình quản lý và sử dụng - Tác động của các hóa chất được sử dụng 	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường đất; - Môi trường nước; - Môi trường không khí; - Bảo vệ các giá trị về đa dạng sinh học bao gồm HCVF; hành lang đa dạng ven suối và và khu kết nối đa dạng sinh học.
<p>d. Các hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông theo kế hoạch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động duy tu, bảo dưỡng, xây dựng mới, nâng cấp đường lâm sinh; - Các hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường đất (Gây suy thoái đất, sạt lở, xói mòn đất); - Môi trường nước (Nước đầu nguồn, nước ngầm, nước sinh hoạt); - Môi trường không khí (Khói, bụi, tiếng ồn).

1.1. Tiêu chí đánh giá sự ảnh hưởng đến môi trường của các hoạt động

Bảng 3. Các tiêu chí và mức độ ảnh hưởng của hoạt động sản xuất lâm nghiệp

YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG	MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG		
	RẤT ẢNH HƯỞNG	ẢNH HƯỞNG	ÍT ẢNH HƯỞNG
Đất đai			
- Xói mòn đất	Tạo thành dòng chảy và tạo thành khe nứt trên bề mặt đường, bãi gỗ, mặt rừng vào mùa mưa	Trôi đất trên bề mặt đường, mặt rừng, xe đi vào mùa mưa	Không có hiện tượng tạo vết trôi lớp đất phủ trên mặt đường, mặt rừng
- Sạt lở đất	Sụt lún nền đường, trôi nền đường, sạt nền đường ô tô, trôi nền đường, sụt lở ở khu khai thác và vùng lân cận	Có hiện tượng sụt lở, sạt nền đường cục bộ, sụt lở đất cục bộ trong khu khai thác	Không có hiện tượng sụt lở đáng kể
- Độ màu mỡ của đất	Làm trôi lượng mùn và ảnh hưởng đến năng suất cây trồng rõ rệt	Ảnh hưởng đến năng suất cây trồng	Ít hoặc không ảnh hưởng đến năng suất cây trồng

- Thay đổi hiện trạng sử dụng đất vùng lân cận	Làm thay đổi mục đích sử dụng đất, thay đổi cơ cấu cây trồng ở vùng lân cận	Làm thay đổi mục đích sử dụng đất, thay đổi cơ cấu cây trồng ở một vài nơi	Mục đích sử dụng đất và cơ cấu cây trồng cơ bản không thay đổi nhiều
Nguồn nước			
- Lượng nước	Làm giảm lượng nước trong khe suối rõ rệt	Lượng nước có suy giảm như mực nước trong suối thấp hơn chút ít	Mực nước hầu như không thay đổi
- Khả năng thoát nước của khe suối	Giảm tốc độ thoát nước của hầu hết các khe suối một cách rõ rệt	Giảm tốc độ thoát nước của khe suối ở một số đoạn nhất định	Khả năng thoát nước của khe suối không thay đổi
- Độ đục của nước	Nước trong khe suối đục nhiều và gây đục cả nguồn nước ở vùng hạ lưu	Nước trong khe suối đục nhưng không ảnh hưởng đến nguồn nước ở vùng hạ lưu	Nước khe suối vẫn giữ được độ trong
- Thay đổi hiện trạng của khe suối	Thay đổi kích thước của khe suối	Thay đổi kích thước của khe suối nhưng không rõ nét	Không thay đổi kích thước của khe suối
Không khí/ tiếng ồn			
- Mùi	Mùi gây ảnh hưởng rõ rệt đến sức khỏe	Mùi gây khó chịu	Ít mùi, không gây ảnh hưởng đến sinh hoạt
- Tiếng ồn	Gây ảnh hưởng rõ rệt đến sức khỏe của người bị tác động	Gây khó chịu nhưng không ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe	Không gây khó chịu
Đa dạng sinh học			

- Đa dạng hệ sinh thái	Làm suy giảm hệ sinh thái dẫn đến làm mất giá trị khoa học/sinh thái/văn hóa của dịch vụ hệ sinh thái	Có ảnh hưởng đến hệ sinh thái nhưng không làm mất giá trị khoa học/sinh thái/ văn hóa của dịch vụ hệ sinh thái	Không ảnh hưởng đến hệ sinh thái
- Đa dạng loài	Thiệt hại đến quần thể loài	Có ảnh hưởng đến quần thể loài nhưng không gây thiệt hại	Không ảnh hưởng đến quần thể loài
- Đa dạng gen	Tuyệt chủng một loài đặc hữu bản địa có giá trị khoa học, sinh học hoặc giá trị văn hóa	Có ảnh hưởng đến loài đặc hữu bản địa	Không ảnh hưởng đến loài đặc hữu bản địa có giá trị khoa học, sinh học hoặc giá trị văn hóa

1.2. Xác định tác động tích cực và tiêu cực của các hoạt động sản xuất

Bảng 4. Tác động tích cực và tiêu cực của các hoạt động sản xuất kinh doanh

NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG	TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC	TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC
	Đốt thực bì		X
	Đào hố thủ công	X	X
	Làm đất	X	
	Tỉa thưa	X	
Trồng, chăm sóc rừng	Bón lót, bón thúc	X	X
	Xé túi bầu		X
	Sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật		X
	Sử dụng thuốc diệt cỏ		X
	Sử dụng hóa chất kích thích mù		X
	Chừa hành lang ven suối	X	

Khai thác	Cạo mù		X
	Sử dụng hóa chất xử lý mù		X
	Vệ sinh sau khai thác	X	
Vận xuất, vận chuyển	Làm đường lâm sinh		X
	Vận chuyển mù ra khỏi rừng		X
Sinh hoạt của công nhân	Rác thải sinh hoạt rắn		X
	Nước thải sinh hoạt		X

1.3. Đánh giá các tác động tích cực

Bảng 5. Tác động tích cực đến môi trường từ hoạt động kinh doanh rừng

NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG	TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC HIỆN TẠI	TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC LÂU DÀI
Trồng, chăm sóc rừng	Đào hố thủ công	X	X
	Làm đất	X	X
	Tỉa thưa	X	X
	Bón lót, bón thúc	X	
	Chừa hành lang, ven suối	X	X
Khai thác	Vệ sinh sau khai thác		X

Hoạt động đào hố và làm đất thủ công ít ảnh hưởng đến kết cấu đất, hiện tượng rửa trôi ít xảy ra. Tỉa thưa đúng kỹ thuật cũng sẽ làm gia tăng mật độ chồi và diện tích tán hữu hiệu, nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón, làm cho vườn cây thông thoáng, giảm độ ẩm và sâu bệnh hại, làm tăng năng suất.

Bón lót là bón phân vào đất trước khi gieo trồng nhằm cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng và giúp điều hòa độ chua của đất. Phân bón sau khi trộn vào đất sẽ giúp độ chua được điều chỉnh, nhờ đó cây trồng sinh trưởng và phát triển trong điều kiện tốt nhất, hạn chế sâu bệnh hại. Hiện tại Công ty vẫn sử dụng biện pháp bón lót khi trồng rừng, tuy nhiên, bón lót, bón thúc được thực hiện đúng kỹ thuật và liều lượng để đảm bảo hiệu quả mà không gây tác động tiêu cực đối với môi trường.

Chừa lại, bảo vệ hành lang ven suối và khu kết nối có ý nghĩa quan trọng đối với sự đa dạng sinh học các loài động thực vật, rừng đóng vai trò quan trọng cho sự sinh trưởng và phát triển của các loài. Duy trì bảo vệ khu vực kết nối đa dạng sinh học sẽ giúp tạo hành lang di chuyển cho các loài động vật và phục hồi các loài thực vật thông qua biện pháp tái sinh tự nhiên.

Hoạt động vệ sinh rừng thường xuyên giúp giảm nguy cơ cháy rừng và tránh những tác động tiêu cực từ rác thải sinh hoạt của công nhân, hóa chất sử dụng khi khai thác đối với môi trường tự nhiên.

1.4. Đánh giá các tác động tiêu cực

Mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh rừng được coi là ít ảnh hưởng đến môi trường nhưng một số tác động tiêu cực vẫn có thể xảy ra. Tác động tiêu cực có thể rõ nét ở hiện tại hoặc mang tính lâu dài. Các yếu tố bị ảnh hưởng có thể là môi trường đất, nước, không khí.

Bảng 6. Mức độ Tác động tiêu cực đến môi trường từ hoạt động kinh doanh rừng

NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG	TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC HIỆN TẠI	TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC LÂU DÀI
Trồng, chăm sóc rừng	Đốt thực bì	X	X
	Đào hố thủ công	X	X
	Bón lót, bón thúc		X
	Xé túi bầu	X	
	Sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật		X
	Sử dụng thuốc diệt cỏ	X	X
	Sử dụng hóa chất kích thích mù		X
Khai thác	Cạo mù		X
	Sử dụng hóa chất xử lý mù		X
Vận xuất, vận chuyển	Làm đường lâm sinh	X	X
	Vận chuyển mù ra khỏi	X	

	rừng		
Sinh hoạt của công nhân	Rác thải sinh hoạt rắn	X	X
	Nước thải sinh hoạt	X	X

Bảng 7. Các yếu tố môi trường bị tác động tiêu cực

NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG	MT ĐẤT	MT NƯỚC	MT KHÔNG KHÍ
Trồng, chăm sóc rừng	Đốt thực bì	X		X
	Đào hố thủ công	X		
	Bón lót, bón thúc	X	X	
	Xé túi bầu	X		
	Sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật	X	X	
	Sử dụng thuốc diệt cỏ	X	X	X
	Sử dụng hóa chất kích thích mù	X	X	
Khai thác	Sử dụng hóa chất xử lý mù	X	X	X
Vận xuất, vận chuyển	Làm đường	X	X	X
	Vận chuyển mù ra khỏi rừng	X		
Sinh hoạt của công nhân	Rác thải sinh hoạt rắn	X	X	
	Nước thải sinh hoạt	X	X	

1.4.1. Hoạt động trồng rừng

Xử lý thực bì: Công ty vẫn sử dụng phương pháp đốt thực bì trước khi trồng rừng. Điều này làm ảnh hưởng lớn đến chất lượng đất ở khu vực này, cấu trúc vật lý của đất bị phá vỡ, đất sẽ bị xói mòn rửa trôi, màu sắc đất thay đổi sẫm màu hơn dẫn đến khả năng hấp thụ nhiệt lớn, làm cho nhiệt độ đất nóng lên. Đồng thời đốt thực bì làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí, ảnh hưởng đến tài nguyên sinh vật và vi sinh vật dưới đất, trên mặt đất và các khu vực lân cận.

Đào hồ thủ công: Mặc dù việc đào hồ thủ công được đánh giá là ít ảnh hưởng và có tác động tích cực đối với môi trường hơn so với việc đào hồ bằng cơ giới nhưng cần xây dựng và áp dụng đúng quy trình kỹ thuật.

Bón thúc: Sử dụng phân bón có tác động tích cực đối với sự sinh trưởng và phát triển của rừng, nâng cao hiệu quả và năng suất. Tuy nhiên, nên sử dụng các loại phân bón hữu cơ và bón phân cần đúng liều lượng, quy trình kỹ thuật. Hiện tại diện tích trồng mới của công ty không nhiều nên việc sử dụng phân bón là hạn chế, trong phạm vi giới hạn, do đó tác động đến môi trường trong khu vực là không đáng kể.

Túi bầu: Tác hại nguy hiểm nhất của túi nilon tới môi trường chính là tính chất rất khó phân hủy trong điều kiện tự nhiên. Sự tồn tại của nó trong môi trường sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới đất và nước. Hiện tại diện tích trồng mới của công ty không nhiều nên việc thải túi bầu là hạn chế, trong phạm vi giới hạn, do đó tác động đến môi trường trong khu vực là không đáng kể.

1.4.2. Hoạt động chăm sóc rừng

Sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật

Trước năm 2023, công ty sử dụng một số thuốc bảo vệ thực vật nhằm hạn chế sâu bệnh hại, trong đó có thành phần được khuyến cáo hạn chế sử dụng. Tuy nhiên, đến năm 2024, công ty đã ngừng sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật trong trồng rừng.

Sử dụng thuốc diệt cỏ

Công ty sử dụng một lượng lớn thuốc diệt cỏ có gốc Glyphosate, là thành phần hoạt chất bị cấm sử dụng của FSC. Một số tác động tiêu cực do thuốc diệt cỏ có thể gây ra đã được ghi nhận như phá hủy môi trường sống tự nhiên, tiêu diệt vi sinh vật có ích, gây mất cân bằng sinh thái. Thuốc trừ cỏ sau khi sử dụng ngấm vào đất, hòa vào nước, không chỉ làm ô nhiễm nguồn nước bề mặt mà cả nước ngầm. Hiện tại, khi thực hiện xây dựng kế hoạch quản lý rừng bền vững công ty đã có chính sách ngừng sử dụng thuốc diệt cỏ, thay thế bằng các biện pháp kỹ thuật thân thiện với môi trường.

Bảng 1. Hóa chất sử dụng trong chăm sóc rừng

Tên thuốc/Hóa chất	Thành phần	Công dụng/Mục đích sử dụng	Tình trạng sử dụng
Rynhmyn 680WP	Mancozeb+Metalayl	Thuốc phòng bệnh mặt cạo	Đã ngừng sử dụng từ 2023
Helosate 48SL	Glyphosate Isopropylamine salt	Diệt cỏ	Đã ban hành chính sách ngừng sử dụng sau khi sử

			dùng hết lượng thuốc còn tồn dư trong kho
DecoHexa 5SC	Hexaconazole 50g/l	Phòng trị héo đen đầu lá	Đã ngừng sử dụng từ 2023
Decoking 585 EC	Chlopyrifos Ethyl+ Cypermethrin	Phòng trị bọ xít muỗi, sâu ăn lá điều	Đã ngừng sử dụng từ 2023

1.4.3. Hoạt động khai thác mỏ

Công ty sử dụng hóa chất cho mục đích chống đông mỏ, khóa miệng vết cạo mỏ, vệ sinh vật tư khai thác. Các hóa chất được sử dụng không nằm trong danh mục hạn chế của FSC, tuy nhiên việc sử dụng với lượng lớn và thường xuyên, lâu dài có tác động tiêu cực nhất định đến môi trường đất và môi trường nước trong khu vực.

Bảng 2. Hóa chất sử dụng trong hoạt động khai thác

Tên thuốc	Thành phần	Công dụng/Mục đích sử dụng
Vazolin	Paraffin	Bôi vết cạo phạm, khóa miệng cạo
Xút	NaOH	Vệ sinh vật tư khai thác
Vazoline đặc biệt	Ethephone 2,5%	Kích thích mỏ
Amoniac 10%	NH ₃	Chống đông mỏ nước

1.4.4. Hoạt động vận xuất, vận chuyển

Làm đường: Việc mở đường vận chuyển có thể gây ra tăng dòng chảy bề mặt, làm tăng nguy cơ xói mòn đất vào mùa mưa. Ngoài ra, quá trình làm đường có thể gây ảnh hưởng đến dòng chảy tự nhiên, ô nhiễm không khí do khói bụi. Hiện tại hệ thống đường trong khu vực đã ổn định.

Vận chuyển sau khai thác: Trong quá trình vận chuyển mỏ cao su sau khai thác, xe vận chuyển có thể gây hiện tượng cày phá mặt đường đất, rò rỉ xăng dầu gây ảnh hưởng đến môi trường đất và nước.

1.4.5. Sinh hoạt của công nhân

Công ty có một số lượng tương đối lớn công nhân (khoảng 2.000 người) sinh sống trong các khu nhà tập thể, lán trại tập trung. Điều kiện ăn ở, vệ sinh của công nhân

chưa đảm bảo các yếu tố về môi trường và sức khỏe. Rác thải sinh hoạt rắn và nước thải sinh hoạt chưa được thu gom và xử lý đúng cách gây ảnh hưởng tới môi trường xung quanh. Nguyên nhân một phần do tập quán sinh hoạt của người dân địa phương.

II – TÁC ĐỘNG XÃ HỘI

Tác động xã hội được hiểu là những tác động liên quan đến yếu tố con người và xã hội, trong đó đánh giá tác động xã hội là quá trình đánh giá những tác động tích cực hoặc tiêu cực đến các đối tượng là các cán bộ, công nhân đang hoạt động trực tiếp tại Công ty cũng như các đối tượng người dân, các cộng đồng, các cơ quan liên quan chịu ảnh hưởng gián tiếp bởi các hoạt động sản xuất tại Công ty.

Bảng 3. Các nội dung cần đánh giá tác động xã hội tại Công ty Daklaoruco

Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
<ul style="list-style-type: none"> - Đóng góp về mặt kinh tế cho cộng đồng địa phương; - Tổ chức quản lý chất lượng lao động theo luật pháp VN, Quy định FSC, công ước ILO; - Chế độ bảo hộ an toàn lao động cho cán bộ và công nhân trong quá trình sản xuất; - Nâng cao năng lực và nhận thức cho cán bộ và người dân thông qua tập huấn, tuyên truyền; - Thay đổi tập quán canh tác lạc hậu của người dân địa phương; - Chăm lo đời sống sức khỏe và tinh thần cho cán bộ và công nhân và gia đình họ; - Thực hiện chế độ dân chủ cơ sở; - Thực hiện các chế độ Bảo hiểm, bảo hộ và an toàn lao động; - Các hoạt động từ thiện, phúc lợi xã hội Công ty đã thực hiện; sự quan tâm đặc biệt đối với các nhóm người dễ bị tổn thương bao gồm đồng bào DTTS, phụ nữ, trẻ em, người già cô đơn...; - Quan hệ giữa Công ty với cơ quan chính quyền và các cơ quan liên quan tại địa 	<ul style="list-style-type: none"> - Tranh chấp, lấn chiếm đất đai; - Hoạt động khai thác bất hợp pháp gỗ và các lâm sản khác; - Ý thức của người dân về công tác QLBR và PCCCR còn hạn chế, dẫn đến các nguy cơ cháy rừng; - Các hoạt động quản lý rừng của Công ty đã gây ảnh hưởng đến đời sống của người dân địa phương: Giảm độ phì nhiêu của đất, giảm nguồn nước; khói bụi, tiếng ồn; ô nhiễm nước, không khí và đất; hệ thống đường của địa phương bị tác động bởi xe có trọng tải lớn ... - Mâu thuẫn trong giải phóng mặt bằng, đền bù; - Năng suất lao động kém; - Kỷ luật lao động không nghiêm; - Tai nạn lao động. - Sử dụng lao động không đúng tuổi quy định

phương;

- Bảo tồn các tập tục, văn hóa, giá trị tinh thần của cộng đồng.

• 2.1. Tác động tích cực

2.1.1. Đóng góp vào Ngân sách Nhà nước, tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho cán bộ và người dân địa phương:

Theo báo cáo của Công ty, liên tục trong những năm gần đây, Công ty kinh doanh đều có lãi, nộp ngân sách đầy đủ, chấp hành đầy đủ các quy định nộp các loại thuế và phí theo quy định của Lào, không có nợ xấu thậm chí không có vay trong quá trình đầu tư kinh doanh.

Bảng 4. Tổng hợp một số chỉ tiêu tài chính của Daklaoruco từ 2019 đến 30/06/2023

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị thực hiện (năm)					6 tháng đầu năm 2023
			2019	2020	2021	2022		
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất							
	Mủ cao su	Tấn	15,402.93	15,206.34	15,438.55	13,953.25	4,985.63	
	Điều	Tấn	195.50	218.57	234.16	171.39	127.63	
2	Doanh thu	Tỷ lak	183.76	160.50	249.84	306.94	134.52	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ lak	6.05	3.15	36.44	19.41	11.60	
4	Nộp ngân sách	Tỷ lak	8.59	5.56	18.55	24.01	13.36	
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1.000 USD	21,183.66	17,462.34	25,124.30	21,406.04	7,774.06	
6	Sản lượng SP tiêu thụ chủ yếu	Tấn						

	<i>Mủ cao su</i>	<i>Tấn</i>	17,331.85	14,311.12	15,107.43	14,354.57	5,832.32
	<i>Điều</i>	<i>Tấn</i>	195.50	218.57	234.16	171.39	127.63
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Lak					
<i>a</i>	<i>Nguồn ngân sách</i>	Lak					
<i>b</i>	<i>Vốn vay</i>	Lak					
<i>c</i>	<i>Vốn khác</i>	Lak					
7	Tổng lao động	Người	2,436.00	2,232.00	2,560.00	2,580.00	2,506.00
8	Tổng quỹ lương	Tỷ lak	67.39	67.87	73.35	92.32	43.06
	<i>Quỹ lương quản lý</i>	Tỷ lak	<i>12.17</i>	<i>14.12</i>	<i>14.85</i>	<i>26.39</i>	<i>10.26</i>
	<i>Quỹ lương lao động</i>	Tỷ lak	<i>55.22</i>	<i>53.75</i>	<i>58.50</i>	<i>65.93</i>	<i>32.81</i>

Công ty cũng đảm bảo các quyền lợi vật chất cho CBCNV theo quy định. Tuy nhiên, đối với công nhân thời vụ, việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội vẫn còn hạn chế do người lao động chưa được tuyên truyền và chưa hiểu rõ về các quy định, quyền lợi khi tham gia bảo hiểm xã hội theo Luật bảo hiểm xã hội của Lào

Bên cạnh đó Công ty đã giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động tại địa phương thông qua công trồng rừng, chăm sóc, QL BVR, khai thác; góp phần xóa đói giảm nghèo, giữ gìn trật tự an ninh xã hội tại địa phương.

2.1.2. Góp phần nâng cao năng lực cho cán bộ và người dân địa phương

Công ty đã tạo điều kiện cho CBCNV được tham gia các lớp tập huấn nâng cao kỹ năng, kiến thức. Tuy nhiên các lớp tập huấn vẫn còn chưa đủ và chưa đến được với hầu hết các CBCNV trong Công ty; công tác tập huấn, nâng cao năng lực cho các đối tượng là công nhân, người dân tham gia trực tiếp vào các hoạt động sản xuất của Công ty vẫn chưa được chú trọng. Chủ yếu công nhân chỉ được hướng dẫn thông qua cán bộ kỹ thuật, không được tập huấn cụ thể cũng như không được cung cấp các tài liệu về các bước trong quy trình kỹ thuật quy định.

Hàng năm, Công ty đều tổ chức các buổi truyền thông về PCCR, nhằm nâng cao ý thức QLBRV của người dân sống xung quanh khu vực. Qua quá trình tham gia vào các hoạt động quản lý rừng tại Công ty, năng lực sản xuất và ý thức bảo vệ rừng và môi trường của người dân địa phương cũng được nâng cao.

2.1.3. Chăm lo đời sống sức khỏe và tinh thần cho cán bộ và công nhân, các chế độ bảo hiểm, an toàn lao động

Đối với CBCNV: Công ty luôn đảm bảo các chế độ chính sách cho CBCNV như chế độ tiền lương, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe và các chế độ bảo hộ, an toàn lao động;

Đối với công nhân, lao động thời vụ: Công ty áp dụng các chế độ công khoán và trả công đầy đủ phù hợp với mức bình quân của địa phương; tuy nhiên chế độ bảo hiểm an toàn lao động chưa được quan tâm thực hiện đầy đủ. Đặc biệt trong giai đoạn dịch Covid-19

2.1.4. Tổ chức các hoạt động từ thiện, phúc lợi xã hội

Hàng năm, Công ty đều ủng hộ kinh phí cho các hoạt động xây dựng và duy tu đường dân sinh, hỗ trợ đoàn thể và các hoạt động phúc lợi xã hội của địa phương như ủng hộ người nghèo, ủng hộ các gia đình chính sách, v.v...

Bảng 5. Tóm tắt kinh phí hỗ trợ địa phương giai đoạn 2019 -2023⁴

Thời gian	Số kinh phí đã hỗ trợ (Lak)
Năm 2019	158,986,800
Năm 2020	111,646,442
Năm 2021	114,160,000
Năm 2022	171,257,000
Năm 2023	92,080,000
Tổng cộng	536,483,800

2.1.5. Sự quan tâm đến các nhóm người dễ bị tổn thương

- Công ty đã đặc biệt quan tâm đến các đối tượng là đồng bào các dân tộc Lào. Công ty đã tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho đồng bào thông qua hợp đồng trồng rừng, chăm sóc, QLBRV và khai thác mủ.

⁴ Chi tiết xem tại Phương án QLBRV giai đoạn 2024-2054

- Công ty cũng quan tâm tới các lao động là nữ giới, đảm bảo bình đẳng trong công việc và thu nhập.

2.1.6. Quan hệ với Chính quyền địa phương, các bên liên quan, CBCNV của Công ty

- Công ty có mối quan hệ tốt với chính quyền và các cơ quan ban ngành liên quan như Trưởng bản, Kiểm lâm, Hội phụ nữ, cơ quan tài nguyên môi trường, cơ quan quản lý thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội;
- Thực hiện tốt quy định dân chủ cơ sở, xây dựng mối quan hệ đoàn kết, gắn bó trong tập thể CBCNV Công ty.

2.1.7. Sự quan tâm đến bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, tín ngưỡng, các tập tục và đời sống tâm linh của người dân trong khu vực lân cận

Trên khu vực diện tích rừng do Công ty quản lý hiện không có các diện tích có ý nghĩa tôn giáo, văn hóa đặc biệt với người dân. Tuy nhiên, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động văn hóa truyền thống địa phương. Bảo vệ các khu vực thờ cúng và nghĩa trang tại các địa phương.

• 2.2. Tác động tiêu cực

2.2.1. Tranh chấp, lấn chiếm đất đai

Công ty đã thực hiện đo đạc và lập lại bản đồ cho diện tích rừng do công ty quản lý. Hiện tại, công ty không lấn chiếm đất đai với người dân địa phương. Ngược lại, còn một số diện tích tiếp giáp khu vực hành lang ven suối thuộc địa bàn công ty quản lý (Khoảng hơn 100 ha) đang bị người dân địa phương xâm lấn cho mục đích trồng cây nông nghiệp ngắn ngày (sắn, các loại rau, đậu...). Hiện tại, công ty đã và đang làm việc với chính quyền địa phương về cơ sở pháp lý và hướng giải quyết chủ yếu là bàn giao lại cho địa phương phần lớn diện tích này.

Do ảnh hưởng của giai đoạn hậu Covid 19, nạn khai thác trái phép và ăn trộm mũ sản phẩm sau khai thác đang là vấn đề “nóng” tại khu vực hoạt động của Công ty. Mặc dù có sự hỗ trợ của các cơ quan chức năng của địa phương (Công an) nhưng diễn biến vẫn còn rất phức tạp, ảnh hưởng lớn đến môi trường kinh doanh của Công ty.

2.2.2. An toàn lao động và an ninh xã hội

Công ty đã quan tâm đến vấn đề bảo hộ và an toàn lao động, người lao động đã được cấp các trang phục bảo hộ lao động; tuy nhiên việc sử dụng chưa thường xuyên trong quá trình tham gia sản xuất.

Việc tập trung một lượng lớn người lao động từ địa phương khác đến sinh hoạt tập trung tại các nông trường là nguy cơ tiềm ẩn gây mất an ninh trật tự, gia tăng các tệ nạn xã hội và lan truyền các loại dịch bệnh cho người dân sống trong khu vực.

2.3. Khiếu nại

Trong thời gian qua chưa có khiếu nại nào về hoạt động kinh doanh, sản xuất của công ty trên địa bàn.

CHƯƠNG IV. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC ĐẾN MÔI TRƯỜNG–XÃ HỘI

I – PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU CÁC TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Bảng 6. Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường

NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG	Biện pháp giảm thiểu tác động
Trồng, chăm sóc rừng	Đốt thực bì	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật cho xử lý thực bì - Nhắc nhở tuyên truyền hạn chế việc đốt xử lý thực bì để tránh cháy lan và hạn chế xói mòn đất. - Hướng dẫn kỹ thuật và khuyến khích công nhân xử lý thực bì bằng cách băm nhỏ thực bì và để thực bì tự phân hủy.
	Đào hố thủ công	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật cho hoạt động trồng rừng - Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho công nhân trồng rừng
	Bón lót, bón thúc	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật bón phân - Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho công nhân trồng rừng - Có kho chứa, sổ theo dõi hóa chất
	Xé túi bầu	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền nhắc nhở công nhân đi trồng rừng nên đem theo vật dụng để thu gom túi bầu về nơi tập kết. - Xây dựng quy chế giám sát đảm bảo công nhân tuân thủ việc thu gom túi bầu sau khi trồng rừng. - Thay thế túi bầu ni lon bằng túi bầu tự phân hủy, túi bầu sinh học, túi bầu thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
	Sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Thay thế hóa chất bảo vệ thực vật bằng các chế phẩm sinh học thân thiện với môi trường - Tập huấn, hướng dẫn công nhân sử dụng hóa chất đúng kỹ thuật - Có kho chứa hóa chất, phân khu riêng biệt. Có sổ theo dõi hóa chất
	Sử dụng thuốc diệt cỏ	Công ty đã có kế hoạch ngừng sử dụng thuốc diệt cỏ và thay thế bằng các biện pháp kỹ thuật thân thiện hơn với môi trường
	Sử dụng hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hướng dẫn kỹ sử dụng

	Kích thích mũ	- Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho công nhân - Có kho chứa, sổ theo dõi hóa chất
Khai thác	Cạo mũ	- Xây dựng hướng dẫn kỹ sử dụng - Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho công nhân
	Sử dụng hóa chất xử lý mũ	- Xây dựng hướng dẫn kỹ sử dụng - Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho công nhân - Có kho chứa, sổ theo dõi hóa chất
Vận xuất, vận chuyển	Làm đường lâm sinh	- Khảo sát các yếu tố địa hình, địa chất trước khi xây dựng đường
	Vận chuyển mũ ra khỏi rừng	- Đảm bảo tải trọng cho phép khi tham gia giao thông, đặc biệt là các đường dân sinh có kết cấu bán kiên cố. - Thường xuyên bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển - Hướng dẫn phòng chống cháy, nổ - Trang bị các túi cát đề phòng cháy
Sinh hoạt của công nhân	Rác thải sinh hoạt rắn	- Tập huấn nâng cao ý thức của người lao động về vệ sinh dịch tễ - Hướng dẫn thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt
	Nước thải sinh hoạt	- Tập huấn nâng cao ý thức của người lao động về vệ sinh dịch tễ - Xây dựng nhà vệ sinh cho các khu lán trại công nhân - Hướng dẫn thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt

II – PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU CÁC TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC ĐẾN XÃ HỘI

- Các hoạt động quản lý rừng của Công ty phải đảm bảo không gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của người dân xung quanh:
 - Giảm thiểu lượng khói, bụi, tiếng ồn, ô nhiễm nguồn nước trên đầu nguồn, nguồn nước ngầm, nước sinh hoạt;
 - Không làm ảnh hưởng đến đất màu của người dân, đối với trường hợp các hộ có diện tích canh tác giáp ranh với diện tích sản xuất của Công ty;
 - Ngăn chặn và giải quyết sớm các vấn đề liên quan đến việc tranh chấp, lấn chiếm đất đai giữa cộng đồng địa phương với Công ty;
 - Ngăn chặn nạn khai thác trái phép và ăn trộm mũ Cao su.
- Tổ chức các lớp tập huấn, nâng cao năng lực sản xuất cho các đối tượng là cán bộ, công nhân trước khi tham gia bất kỳ các hoạt động quản lý rừng tại Công ty

- (Kỹ thuật vườn ươm, trồng rừng, khai thác, chế biến). Có thể đào tạo một số chuyên gia là cán bộ Công ty, lưu ý việc lưu trữ các hồ sơ, danh sách tập huấn;
- Tổ chức các đợt tuyên truyền, nâng cao ý thức về các công tác QLRBV, PCCCR, ATBHLĐ cho các đối tượng là cán bộ, công nhân, chính quyền địa phương, các cơ quan ban ngành liên quan, các cộng đồng và người dân sống trong khu vực lân cận;
 - Cần có sự phối kết hợp với công an, kiểm lâm địa phương trong quá trình giám sát các tệ nạn, giữ gìn an ninh trật tự xã hội;
 - Giới thiệu với lao động nhập cư về phong tục, tập quán của người dân địa phương để tránh những trường hợp hiểu lầm đáng tiếc giữa người lao động nhập cư và người dân địa phương;
 - Cấp đầy đủ các trang thiết bị, trang phục bảo hộ an toàn lao động cho từng đối tượng là cán bộ, công nhân tham gia sản xuất, tủ thuốc, hộp sơ cứu tại văn phòng cũng như trên hiện trường khai thác, lưu ý kiểm soát hạn sử dụng;
 - Phối hợp với Chính quyền địa phương và các đoàn thể để giải quyết những tranh chấp, mâu thuẫn với cộng đồng theo hướng đảm bảo lợi ích chung và riêng của công ty, cũng như cộng đồng, đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật hiện hành;
 - Phối hợp với chính quyền và cơ quan pháp luật của địa phương giải quyết nạn khai thác mỏ trái phép và ăn trộm mỏ sau khai thác trong khu vực Công ty quản lý.

CHƯƠNG V. QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

I – KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

Kế hoạch quản lý môi trường được thiết lập trên cơ sở tổng hợp kết quả của các chương 3, 4 và 5 và kế hoạch kế hoạch môi trường được lập theo bảng dưới đây:

Bảng 7. Mẫu kế hoạch quản lý môi trường

TT	Các hoạt động quản lý rừng tại Công ty	Các tác động Môi trường – Xã hội	Biện pháp khắc phục, giảm thiểu	Kinh phí thực hiện	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
	1	3	4	5	6	7	8
1							
2							

II – KẾ HOẠCH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

Công ty sẽ sử dụng phương pháp giám sát môi trường đơn giản (theo FSC-Proforest). Trong kế hoạch BVMT, Công ty sẽ tiến hành giám sát các nội dung bao gồm:

- Giám sát các tác động môi trường và xã hội tại Công ty
- Năng suất, sản lượng rừng (Tỷ lệ tăng trưởng của các loài, sản lượng, chất lượng cây con tại vườn ươm)
- Các biện pháp bảo tồn (Giám sát và có kế hoạch bảo vệ đặc biệt đối với các loài quý hiếm hoặc các khu vực có giá trị bảo tồn cao)

2.1. Giám sát năng suất, sản lượng và phát triển của rừng

- Giám sát việc khai thác đảm bảo trên thực tế, rừng đang phát triển, tái tạo và mức độ thu hoạch là bền vững (Không thu hoạch nhiều hơn phần rừng có thể tái tạo). Bao gồm cả quá trình khai thác các sản phẩm gỗ và LSNG (mủ cao su);
- Đối với những khu rừng lớn, giám sát sự phát triển và sản lượng gỗ, sản lượng mủ thường được tiến hành bằng việc đo ghi chép khối lượng mủ khai thác và đo kích thước cây định kỳ. Kết quả đo đếm và tính toán sẽ thể hiện mức độ tăng trưởng khác nhau của các loài cây khác nhau, số cây bị chết và rừng được tái tạo như thế nào, đối với các khu rừng nhỏ thì phương pháp này không được khả thi. Hiện tại Công ty đã áp dụng phương pháp ô Định vị và đo đếm định kì để theo dõi, đánh giá quá trình tăng trưởng, sản lượng,

phát triển của các khu rừng có tuổi và gây trồng bằng các dòng Cao su khác nhau.

- Để tiết kiệm nguồn nhân lực, thời gian, kinh phí, quá trình giám sát nên thực hiện đơn giản, chỉ thu thập các thông tin cần thiết, các thông tin có thể sử dụng được;
- Tìm các tổ chức có khả năng tiến hành các nghiên cứu giúp cho việc giám sát. Điều này sẽ giúp tiết kiệm chi phí và lấy được các số liệu khoa học chính xác.

2.2. Giám sát các biện pháp bảo tồn và kết quả

- Kế hoạch quản lý sẽ bao gồm phương pháp bảo vệ tính đa dạng sinh học của rừng và những giá trị bảo tồn cao và quá trình giám sát để kiểm tra xem các hoạt động trên thực tế có giúp bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học và các giá trị bảo tồn cao đã xác định hay không, hoặc kiểm tra xem kế hoạch đã được lập có theo định hướng bảo tồn hay không. Vd: số động vật đang bị đe dọa tuyệt chủng tăng hay giảm, tần suất xuất hiện các loài động vật tăng hay giảm ...
- Để tiết kiệm nguồn nhân lực, thời gian, kinh phí, quá trình giám sát nên thực hiện:
 - Thay vì giám sát sự xuất hiện một số động vật cụ thể, tiến hành giám sát sinh cảnh (thực vật, nguồn thức ăn, khu nuôi);
 - Sử dụng những dấu hiệu cho thấy sự xuất hiện của động vật (như tổ, địa điểm kiếm ăn, dấu chân hay phân) hơn là dấu hiệu của những động vật đó;
 - Chụp ảnh những điểm cố định để thấy được sự thay đổi đặc điểm sinh cảnh: ví dụ vùng đất ngập nước, hồ hay mái rừng;
 - Sử dụng những thiết bị đơn giản (không cần những thiết bị đắt tiền) ví dụ có thể đo khối lượng nước ở suối, hồ bằng thước đo;
 - Đối với những rừng cộng đồng quản lý: Có thể phỏng vấn, thảo luận với nhóm quản lý rừng cộng đồng, người dân sống trong khu vực để có những thông tin về các loài động thực vật quý hiếm cần bảo vệ, có thể ghi nhận và tiếp thu các ý tưởng, kinh nghiệm của người dân và bổ sung vào kế hoạch giám sát các loài và các khu sinh cảnh đặc biệt.

2.3. Giám sát các tác động Môi trường và Xã hội tại công ty

- FSC yêu cầu giám sát các tác động Môi trường và Xã hội. Các tác động tiêu cực do các hoạt động quản lý rừng tại Công ty gây ra như: trồng rừng, QLBV, khai thác, chế biến, làm đường, sử dụng hóa chất ... Quá trình giám sát đảm bảo kiểm tra được, liệu các tác động đó có còn trong giới hạn cho phép nữa hay không;
- Kế hoạch giám sát bao gồm: Nội dung cần giám sát, Người thực hiện giám sát, các đối tượng cần thảo luận và tần suất thảo luận, sử dụng các kết quả thảo luận. Thay vì sử dụng các phương pháp KHKT phức tạp, có thể áp dụng một số phương pháp

đơn giản như đếm, chụp ảnh hay quan sát bằng kinh nghiệm và mắt thường, điều quan trọng là thu thập được các thông tin hữu ích và ý nghĩa.

Bảng 8. Mẫu kế hoạch giám sát đơn giản

TT	Các hoạt động sẽ tiến hành	Giám sát gì?	Phương pháp giám sát. Người chịu trách nhiệm. Thời điểm tiến hành	Người chịu trách nhiệm sẽ báo cáo về những điều họ thấy bằng cách nào. Sẽ làm gì với kết quả thu được
1	Hoạt động khai thác	Giám sát đơn vị khai thác	Phương pháp quan sát tại hiện trường	Lập biên bản, có báo cáo kịp thời đề xuất xử lý các vi phạm đã cam kết trong hợp đồng
2				

Để kết hợp với kế hoạch giám sát tổ chức sản xuất và xã hội, có thể lập 1 biểu kế hoạch giám sát cho cả chu kỳ sản xuất kinh doanh, gồm các cột sau :

1. Nội dung giám sát
2. Địa điểm, tọa độ
3. Tần suất
4. Kinh phí, thiết bị
5. Trách nhiệm thực hiện
6. Trách nhiệm xử lý

CHƯƠNG VI. THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN

I – TÓM TẮT VỀ QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

Công ty TNHH Cao su Daklaoruco đã phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện tham vấn cộng đồng và các bên liên quan từ tháng 7 đến tháng 10/2023.

Các cá nhân đơn vị được tham vấn bao gồm:

1. CBNV tại trụ sở chính của công ty
2. Công nhân nông trường 1, 2, 3 và 4
3. Các cơ quan quản lý địa phương

Danh sách tham vấn được trình bày tại Phụ lục.

II – KẾT QUẢ THAM VẤN VỀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

Kết quả tham vấn cho thấy, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan đều đồng tình ủng hộ Công ty Daklaoruco trong quá trình xây dựng và thực hiện quản lý rừng bền vững để đạt được chứng chỉ rừng trồng quốc tế. Cụ thể:

- Nhiều ý kiến tham vấn đều cho rằng, hoạt động sản xuất của Công ty trong nhiều năm qua đã góp phần phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, giữ đất, giữ nước, tạo môi trường không khí trong lành, mát mẻ trong khu vực. Hoạt động sản xuất của Công ty chưa gây ra bất kỳ tác động tiêu cực đáng kể nào về mặt môi trường.
- Chính quyền các địa phương đều nhận định rằng các mục tiêu và định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty là hoàn toàn phù hợp với các chủ trương, chính sách của nước CHDCND Lào cũng như phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển KT - XH tại địa phương;
- Hầu hết các ý kiến đều cho rằng Công ty đã có nhiều đóng góp cho địa phương: Công ty đã tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn.
- Trong thời gian qua, Công ty luôn chấp hành các quy định của CHDCND Lào liên quan đến các chính sách và pháp luật về thuế; năm sau nộp thuế cao hơn năm trước và luôn nộp đúng kỳ hạn;

Phụ lục 2. XÁC ĐỊNH NHÓM NGƯỜI BỊ ẢNH HƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC

STT	XĐ các nhóm người bị ảnh hưởng	Các ảnh hưởng chính tới các nhóm này	Các biện pháp nhằm cải thiện các ảnh hưởng tiêu cực
1	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ CNV của Công ty - Lao động địa phương tham gia vào hoạt động sản xuất của Công ty 	<ul style="list-style-type: none"> - Việc làm và thu nhập; - Sức khỏe lao động - Không gian, môi trường sống 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao hoạt động SXKD; tăng năng suất, chất lượng rừng trồng, tăng giá bán rừng trồng trên 1 đơn vị diện tích nhằm tạo việc làm thường xuyên, ổn định cho CBCNV có HĐLĐ dài hạn với CT; - Xây dựng được ma trận đánh giá các rủi ro về an toàn lao động và đề ra các biện pháp phòng ngừa theo từng lĩnh vực hoạt động của Công ty; - Định kỳ 1 năm tổ chức khám sức khỏe 01 lần cho toàn thể CBCNV Công ty; - Xây dựng và ban hành các quy định, quy chế chi tiêu, hỗ trợ, phụ cấp thêm cho người lao động; - Xây dựng, thực hiện và thường xuyên giám sát các hoạt động xử lý rác thải, hóa chất, ... đảm bảo vệ sinh môi trường xanh, sạch sẽ cho người lao động.
2	<ul style="list-style-type: none"> - Gia đình, người thân của Cán bộ CNV Công ty; - Gia đình, người thân của các lao động tham gia vào hoạt động sản xuất của Công ty 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí các khoản chi tiêu, sinh hoạt hàng ngày. - Sức khỏe, tinh thần. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao hoạt động SXKD; tăng năng suất, chất lượng rừng trồng, tăng giá bán rừng trồng trên 1 đơn vị diện tích nhằm tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập cho gia đình BCNV có HĐLĐ dài hạn với CT và gia đình, người thân của các lao động tham gia vào hoạt động sản xuất của Công ty - Có cơ chế khoán trồng rừng, bảo vệ rừng và khoán khai thác gỗ tạo việc làm cho các hộ gia đình v.v...
3	<p>Chính quyền và cộng đồng dân cư sinh sống trên địa bàn Công ty có hoạt động quản lý rừng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Việc làm và thu nhập. - Môi trường sống. - Sức khỏe. - An ninh khu vực. - Các chính sách hỗ trợ về an sinh xã hội. - Quyền hưởng lợi từ hoạt động quản 	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty có chủ trương thu hút lao động địa phương trong các hoạt động lâm sinh của Công ty; - Triển khai thực hiện và giám sát thường xuyên các hoạt động bảo vệ môi trường như: Bảo vệ đa dạng sinh học, giám sát chất lượng nguồn nước, giám sát tác động môi trường, giám sát tác động xã hội; - Ban hành các quy chế, cơ chế phối hợp giữa Công ty và địa phương trong việc thực hiện

		<p>lý rừng của Công ty.</p>	<p>các hoạt động của Công ty, đảm bảo hài hòa lợi ích, thống nhất giữa 2 bên;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết việc hỗ trợ một khoản kinh phí cho công tác an sinh xã hội; - Xây dựng đường lâm nghiệp kết hợp phục vụ dân sinh, hỗ trợ kinh phí xoá nhà tạm cho một số hộ nghèo trên địa bàn, góp phần XD nông thôn mới.
--	--	-----------------------------	--